TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2019/HSST
Ngày: 06 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị M Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quang Khải

Ông Lê Ngọc Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 221/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Chính T**; Tên gọi khác: Không
Sinh năm: 1952 tại huyện Đ, tỉnh Th.
Nơi cư trú: Đội 18, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/10 PT; Con ông: Nguyễn Chính T (đã chết) và bà: Đỗ Thị Ng - sinh năm 1929; có vợ: Nguyễn Thị H - sinh năm 1956 và có 03 con (lớn sinh năm 1982, nhỏ sinh năm 1987); tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 10/7/2019 sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (có mặt).

2. Họ và tên: **Trần Thanh L**; Tên gọi khác: Không
Sinh năm: 1968 tại huyện V, huyện Th.
Nơi cư trú: Tổ 3, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/10 PT; Con ông: Trần Thanh S - sinh năm 1925 và bà: Vũ Thị Ch (đã chết); có vợ: Vũ Thị H - sinh năm 1972 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 1996; tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 10/7/2019 sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Ông Nguyễn Đình G - Luật sư Văn phòng luật sư Đ & C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình. Địa chỉ: Số 120A/254 M, quận H, Hà Nội bào chữa cho Nguyễn Chính T. (có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Công ty TNHH sản xuất vật liệu xây dựng và thương mại V. Địa chỉ trụ sở: Đội 18, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Th – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Th: Ông Phạm Minh Đ (Phạm Văn Đ) - Phó Giám đốc. Nơi cư trú: Đội 18, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (theo văn bản ủy quyền ngày 14/9/2019). (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1956. Nơi cư trú: Đội 18, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (có mặt)

3. Ông Trần Quang K - sinh năm 1969. Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (vắng mặt)

4. Anh Đỗ Thế H - sinh năm 1971. Nơi cư trú: Xã Th, huyện Th, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 10/7/2019, Tổ công tác Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên phối hợp với công an xã Th, huyện Đ làm nhiệm vụ tại khu vực tại Đội 5, xã Th phát hiện tại lán ở của Trần Thanh L có 3 người đàn ông là Trần Quang K, Phan Văn M, Đỗ Thế H đang ngồi chơi trong lán. Qua kiểm tra, không phát hiện, thu giữ gì đối với 3 người này. Đối với Trần Thanh L, tổ công tác kiểm tra phát hiện thu giữ ở tay phải của L một gói được gói bên ngoài bằng nilon màu xanh bên trong có 1 cục chất bột màu trắng. Trần Thanh L khai nhận đó là Heroine, mua của Nguyễn Chính T với giá 50.000 đồng để sử dụng cho bản thân.

Từ lời khai của Trần Thanh L, công an huyện Điện Biên đã tiến hành việc khám xét đối với Nguyễn Chính T, qua đó thu giữ một gói được gói bên ngoài bằng nilon màu xanh, bên trong có các cục chất bột màu trắng tại đầu giường ngủ của T và thu tại khe bàn trong phòng ngủ của T một gói được gói bên ngoài bằng nilon màu đỏ bên trong có hai viên nén màu xanh trên bề mặt có chữ WY và 40.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành. T khai đó là ma túy tổng hợp và tiền bán ma túy cho L mà có.

Quá trình điều tra Trần Thanh L và Nguyễn Chính T đã khai nhận:

Khoảng 15 giờ ngày 09/7/2019 Nguyễn Chính T cầm 300.000 đồng một mình đi bộ xuống đội 18, xã Th, huyện Đ mục đích để tìm mua Heroine và hồng phiến về sử dụng và bán kiếm lời. Tại đây, T gặp một người đàn ông dân tộc Thái khoảng 30 tuổi (không biết tên, địa chỉ) đứng ở đường, T hỏi: "Có Heroine và hồng phiến bán không?", người này bảo T đưa tiền đây. T nói "mua 200.000 đồng Heroine và 100.000 đồng hồng phiến". T đưa cho người đàn ông này 300.000 đồng (gồm 1 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 2 tờ mệnh giá 50.000 đồng). Người đàn ông cầm tiền và đưa lại cho T 01 gói Heroine được gói bên ngoài bằng nilon màu trắng và 01 gói được gói bên ngoài bằng nilon màu đỏ bên trong có 2 viên nén màu xanh. T cất giấu 02 gói ma túy vào túi quần bên phải đang mặc đi về nhà. Khi về đến nhà T vào buồng ngủ lấy gói Heroine vừa mua được dùng tay cấu chia thành 06 gói nhỏ, gói ngoài

bằng nilon màu xanh, miệng được hàn kín, T cất giấu ở đầu giường ngủ của mình. Còn gói có 2 viên nén màu xanh cất giấu vào khe bàn phòng ngủ. Đến 17 giờ ngày 09/7/2019 tại lán ở của Trần Thanh L, có Trần Quang K, Phan Văn M, Đỗ Thế H đang dựng lán để ở, lúc đó L lấy điện thoại gọi cho T để mua Heroine sử dụng, K đứng cạnh hỏi L "Gọi cho ai đấy?" L trả lời là gọi cho T mua Heroine, K nói với L mua hộ 50.000 đồng Heroine. H đứng cạnh cũng nhờ L mua hộ 50.000 đồng Heroine. L đồng ý. K và H mỗi người đưa cho L một tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày L đi ra đầu đường nhựa thuộc đội 5, xã Thanh Xương gặp T cũng vừa đi xe mô tô BKS 27B1-168.56 đến. L đưa cho T một tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng. T cầm tiền rồi đưa lại cho L 4 gói Heroine, các gói được gói ngoài bằng nilon màu xanh miệng được hàn kín. L cầm 4 gói Heroine ở tay phải xem xong, đồng ý mua rồi đi bộ về lán, còn T đi xe máy về. Khi về lán, L đưa cho K và H mỗi người một gói Heroine. Sau đó L, K, H cùng nhau ngồi ở lán, lấy gói Heroine ra pha chế hết vào bơm kim tiêm chích vào tĩnh mạch trên người. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, L lấy gói ma túy còn lại của mình ra sử dụng hết bằng cách tiêm chích. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 10/7/2019 L lại gọi điện cho T để mua 50.000 đồng Heroine. T đồng ý và hẹn ra chỗ hôm qua để đưa. Khoảng 06 giờ 40 phút cùng ngày L đi bộ ra gặp T đi xe mô tô BKS 27B1-168.56 tại địa điểm cũ để mua bán ma túy. Sau khi mua ma túy L cất gói Heroine vào túi quần bên phải đang mặc. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, K đến rủ L đi uống Methadol tại phường N, thành phố Đ, đến 10 giờ thì cả hai về lán. L lấy gói Heroine ra cầm ở tay phải, trong lán lúc đó có Đỗ Thế H, Phan Văn M, Trần Quang K đang ngồi chơi nói chuyện thì bị tổ công tác công an huyện Điện Biên kiểm tra, thu giữ ở tay phải của L một gói Heroine.

Vật chứng thu giữ gồm: 0,12 gam chất bột màu trắng của L; 0,04 gam chất bột màu trắng và 0,17 viên nén màu xanh của T; 01 chiếc điện thoại di động loại bàn phím màu đen, nhãn hiệu NOKIA kèm 1 sim của L. 01 điện thoại di động loại cảm ứng màu đen kèm 1 sim của T. Số tiền 40.000 đồng là tiền T bán ma túy cho L mà có. Ngoài ra còn thu giữ của T 01 chiếc xe mô tô HONDA WAVE BKS 27B1-168.56 kèm giấy chứng nhận xe mang tên CTY TNHH SXVLXD & TM V.

Tại bản kết luận giám định số 774/GĐ-PC09 ngày 17/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Trần Thanh L gửi giám định là chất ma túy, loại heroine, khối lượng 0,12 gam. Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 9, mục IA, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018. Không hoàn lại đối tượng giám định.

Tại bản kết luận giám định số 775/GĐ-PC09 ngày 18/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Mẫu chất bột màu trắng thu giữ của Nguyễn Chính T gửi giám định là chất ma túy, loại heroine. Không tìm thấy chất ma túy trong mẫu viên nén màu xanh gửi giám định. Khối lượng vật chứng thu giữ của T gồm: 0,04 gam chất bột màu trắng và 0,17 gam viên nén màu xanh. Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 9, mục IA, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018. Không hoàn lại đối tượng giám định.

Tại bản cáo trạng số 209/CT-VKS-HĐB ngày 30/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên đã truy tố bị cáo Nguyễn Chính T về tội: Mua bán trái

phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251/BLHS; truy tố bị cáo Trần Thanh L về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Chính T về tội Mua bán trái phép chất ma túy; truy tố bị cáo Trần Thanh L về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Chính T từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS: Xử phạt bị cáo Trần Thanh L từ 12 đến 15 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47/BLHS; điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106/BLTTHS.

+ Tịch thu tiêu hủy 0,08 gam Heroine (thu giữ của L) và 0,08 gam viên nén màu xanh (thu giữ của T) là vật chứng còn lại sau giám định.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: Số tiền 250.000 đồng của bị cáo T là tiền do phạm tội mà có (đã thu 40.000 đồng, truy thu 210.000 đồng); 01 chiếc điện thoại di động loại bàn phím màu đen, nhãn hiệu NOKIA, bên trong có một sim có số thuê bao 0337039230 của Trần Thanh L; 01 chiếc điện thoại di động loại cảm ứng màu đen, mặt sau có logo ASUS, bên trong có một sim có số thuê bao 0789085390 của Nguyễn Chính T;

+ Trả lại cho Công ty TNHH sản xuất vật liệu xây dựng và thương mại Việt Hải 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh màu sơn vàng - bạc - đen, nhãn hiệu HONDA WAVE BKS 27B1-168.56, số khung: 654965, số máy: 3455105 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 020324 mang tên CTY TNHH SXVLXD & TM V.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Chính T.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo Trần Thanh L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về phần luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chính T, không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố, nhất trí với mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đã đề xuất, đi sâu phân tích về nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong

sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác; người phạm tội là người có công với cách mạng theo quy định tại điểm s, v, x khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54/BLHS cho bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho bị cáo được hoãn thi hành án để chữa bệnh, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, miễn án phí HSST cho bị cáo do bị cáo là người cao tuổi, người có công với cách mạng.

Bị cáo Nguyễn Chính T không bổ sung gì về phần bào chữa của luật sư và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo để về chữa bệnh.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy niêm phong lại vật chứng, Kết luận giám định...Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Trong ngày 09 và 10/7/2019 tại đội 5, xã Th, huyện Đ, Nguyễn Chính T đã 02 lần bán trái phép Heroine cho Trần Thanh L để L, H, K sử dụng thu lời bất C 250.000 đồng và cất giấu trái phép tại nơi ở của mình thuộc đội 18, xã Th, huyện Đ 0,04 gam Heroine và 0,17 gam viên nén màu xanh để sử dụng và bán lẻ kiếm lời. Bị cáo Trần Thanh L có hành vi mua ma túy của C để sử dụng cho bản thân và mua hộ cho hai đối tượng khác để sử dụng, ngoài ra L còn cất giấu trái phép trên người 0,12 gam Heroine với mục đích sử dụng cho bản thân. Như vậy, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251/BLHS. Hành vi của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý.

[2]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đều là đối tượng nghiện ma túy, không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy

định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Đối với bị cáo T, bản thân bị cáo được nhà nước thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Ba, là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được hưởng trợ cấp của nhà nước nên được các hưởng tình tiết giảm nhẹ là: Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong chiến đấu; người phạm tội là người có công với cách mạng theo quy định tại điểm v, x khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, bị cáo là người bị suy giảm 64% khả năng lao động (đã được Hội đồng y khoa tỉnh Điện Biên kết luận), người cao tuổi do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS. Đối với bị cáo L, có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất và Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS.

Hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo nên hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T tại phiên tòa cũng phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên cũng được chấp nhận. Tại phiên tòa bị cáo T đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Tuy nhiên do hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng có khung hình phạt từ 7 đến 15 năm tù, bị cáo không có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65/BLHS và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, do đó đề nghị của bị cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên, do bị cáo T có ba tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51/BLHS, do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 54/BLHS cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và cũng để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Bị cáo L, tuy khối lượng ma túy thu giữ của bị cáo chỉ là 0,12 gam Heroine tuy nhiên bị cáo đồng ý mua hộ ma túy cho K và H để sử dụng, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng số lượng chất ma túy nhờ mua hộ, tuy nhiên do K và H đã sử dụng hết nên không thu hồi được. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tù tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cho bị cáo có thời gian cai nghiện để trở thành công dân tốt, có ý thức tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ, do đó có thể cho bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Đối với đề nghị của người bào chữa về việc cho bị cáo T được hoãn thi hành án để chữa bệnh, đây là vấn đề không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249, khoản 5 251/BLHS thì ngoài hình phạt chính người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng... Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo đều là người nghiện ma túy. Bị cáo T là người cao tuổi, người có công với cách mạng; bị cáo L là đối tượng sống lang thang, không có nơi ở cố định, không có tài sản gì có giá trị nên không có khả

năng thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo T không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

+ Đối với 0,12 gam Heroine thu giữ của L (đã trích 0,04 gam gửi giám định không hoàn lại) còn lại 0,08 gam và 0,04 gam Heroine thu giữ của T (đã gửi toàn bộ để giám định không hoàn lại) là vật Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

Đối với 0,17 gam viên nén màu xanh thu giữ của T (đã trích 0,09 gam gửi giám định không hoàn lại) qua giám định không tìm thấy chất ma túy, còn lại 0,08 gam là vật chứng không có giá trị, không sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

+ Đối với số tiền 250.000 đồng là tiền T bán ma túy cho L, đây là tiền do phạm tội mà có. Trong số tiền này, bị cáo T đã chi tiêu cho bản thân hết 10.000 đồng, bị cáo đưa cho vợ là bà Phạm Thị H 40.000 đồng để phô tô sổ hộ khẩu gia đình. Hiện cơ quan công an đã thu giữ 40.000 đồng nên cần tịch thu vào ngân sách nhà nước. Ngoài ra, cần truy thu của bị cáo T 210.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm b khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

+ Đối với 01 chiếc điện thoại di động loại bàn phím màu đen, nhãn hiệu NOKIA, bên trong có một sim có số thuê bao 0337039230 của Trần Thanh L; 01 chiếc điện thoại di động loại cảm ứng màu đen, mặt sau có logo ASUS, bên trong có một sim có số thuê bao 0789085390 của Nguyễn Chính T đây là điện thoại các bị cáo dùng để liên lạc mua bán ma túy, vật dùng vào việc phạm tội do đó cần tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm b khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

+ Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh màu sơn vàng - bạc - đen, nhãn hiệu HONDA WAVE BKS 27B1-168.56, số khung: 654965, số máy: 3455105 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 020324 mang tên CTY TNHH SXVLXD & TM V. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH sản xuất vật liệu xây dựng và thương mại V, đã được ông Phạm Minh Đ - Phó Giám đốc Công ty (cũng là con rể của bị cáo T) cho bị cáo T mượn để làm phương tiện đi lại. Ông Đ cũng như Công ty không biết việc bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội do đó chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trả lại chiếc xe cho Công ty TNHH sản xuất vật liệu xây dựng và thương mại V theo quy định tại khoản 2 Điều 47/BLHS và khoản 3 Điều 106/BLTTHS.

[5]. Các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông tên dân tộc Thái, khoảng 30 tuổi bị cáo T khai đã bán ma túy cho bị cáo, quá đình điều tra cơ quan điều tra không làm rõ được nên hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Trần Quang K, Đỗ Thế H là những người nhờ Trần Thanh L mua ma túy của Nguyễn Chính T để sử dụng, đã bị Công an huyện Điện Biên xử phạt vi phạm hành

chính, việc xử phạt là đúng quy định pháp luật nên hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Phan Văn M không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo và việc sử dụng ma túy của K và H, cơ quan điều tra không đề cập nên hội đồng xét xử cũng không xem xét xử lý.

Bà Phạm Thị H (vợ bị cáo T) đã được bị cáo đưa 40.000 đồng để đi phô tô sổ hộ khẩu gia đình, bà H không biết đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có (bà H đã nộp lại số tiền này) nên hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[6]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an huyện Điện Biên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[7]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo T là người cao tuổi, người có công với cách mạng, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Chính T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Chính T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (10/7/2019).

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thanh L 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (10/7/2019).

2. Về biện pháp tư pháp, vật chứng: Căn cứ vào điểm b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 0,08 gam Heroine (thu giữ của L) và 0,08 gam viên nén màu xanh (thu giữ của T) là vật chứng còn lại sau giám định (đã niêm phong).

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 250.000 đồng (năm mươi nghìn đồng) của bị cáo T do phạm tội mà có (đã thu giữ, niêm phong 40.000 đồng - Bốn mươi nghìn đồng). Truy thu của bị cáo T 210.000 đồng (hai trăm mười nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động loại bàn phím màu đen, nhãn hiệu NOKIA, bên trong có một sim có số thuê bao 0337039230 của Trần Thanh L; 01 (một) chiếc điện thoại di động loại cảm ứng màu

đen, mặt sau có logo ASUS, bên trong có một sim có số thuê bao 0789085390 của Nguyễn Chính T là vật dùng vào việc pham tội. (Đã niêm phong)

- Trả lại cho Công ty TNHH sản xuất vật liệu xây dựng và thương mại 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh màu sơn vàng - bạc - đen, nhãn hiệu HONDA WAVE BKS 27B1-168.56, số khung: 654965, số máy: 3455105 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 020324 mang tên CTY TNHH SXVLXD & TM V.

(Vật chứng đã được Công an huyện Điện Biên bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/10/2019).

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Chính T.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Thanh L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/11/2019). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo T:
- Người có QL và NV liên quan;
- VKSND huyện ĐB;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an huyện ĐB;
- Cơ quan THAHS huyện ĐB;
- Nhà tạm giữ CA huyện ĐB;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS huyện ĐB ;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị M Huệ